

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-5-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Bà Trần Thị Thúy Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp R, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh K trình bày: Ông và bà Lê Thị T chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

vào ngày 23/01/2018; quá trình chung sống với bà Lê Thị T không có con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình nên chung sống không hạnh phúc, ông và bà Lê Thị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay ông Nguyễn Minh K xét thấy không còn tình cảm với bà Lê Thị T nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh K yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: Không có nên ông Nguyễn Minh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên ông Nguyễn Minh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên ông Nguyễn Minh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt và có lời khai trình bày như sau: Bà có lời khai thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Minh K về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Lê Thị T cho rằng bà và ông Nguyễn Minh K sau khi cưới chung sống ở bên chồng, sau đó bà và ông Nguyễn Minh K đi làm công ty ở Tiểu Cần nên về bên nhà bà ở, đến khi cha chồng bệnh bà và ông Nguyễn Minh K về chung sống ở bên chồng sau đó cha chồng mất thì giữa bà và ông Nguyễn Minh K có phát sinh mâu thuẫn cự cãi do ông Nguyễn Minh K đi nhậu bà không đồng ý nên có lời qua tiếng lại; sau đó giữa bà với gia đình bên chồng cụ thể là mẹ chồng và chị chồng có cự cãi nên bà dọn về nhà mẹ ruột ở từ năm 2021 cho đến nay, lúc bà dọn về nhà mẹ ruột ở thì ông Nguyễn Minh K có tới lui thăm bà, từ tháng 7/2023 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Nay ông Nguyễn Minh K yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh K. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà có ý kiến:

Về con chung: Không có nên bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh K. Về con chung không có không tranh chấp, về tài sản chung và nợ chung không chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh K phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Minh K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị T, nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Gia đình là tế bào của xã hội, hôn nhân là công cụ bảo vệ và nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, bảo vệ mối quan hệ hôn nhân gia đình chính là góp phần làm phát triển xã hội. Do đó, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

[3] Xét về mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T: Ông Nguyễn Minh K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cãi chuyện gia đình nên chung sống không hạnh phúc, ông và bà Lê Thị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Bà Lê Thị T cũng thừa nhận rằng sau khi cha chồng mất thì giữa bà và ông Nguyễn Minh K có phát sinh mâu thuẫn cự cãi, có lời qua tiếng lại, sau đó giữa bà với gia đình bên chồng cụ thể là mẹ chồng và chị chồng có cự cãi nên bà dọn về nhà mẹ ruột ở từ năm 2021 cho đến nay, lúc bà dọn về nhà mẹ ruột ở thì ông Nguyễn Minh K có tới lui thăm bà, từ tháng 7/2023 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T cũng đã được Tòa án xác minh ông Lê Văn H là cha ruột của bà Lê Thị T cũng có lời trình bày cho rằng sau khi kết hôn thì ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T chung sống hạnh phúc, khoảng 01 năm nay thì ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T phát sinh mâu thuẫn, sống chung không còn hạnh phúc (BL 23); bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của ông Nguyễn Minh K cũng có lời trình bày cho rằng sau khi cha chồng của bà Lê Thị T mất thì giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh K có phát sinh mâu thuẫn cự cãi, có lời qua tiếng lại, sau đó chị chồng của bà Lê Thị T có nhắc nhở việc bà Lê Thị T uống rượu bia nên bà Lê Thị T dọn về nhà mẹ ruột ở từ năm 2021 cho đến nay, từ tháng 7/2023 cho đến nay vợ chồng ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T không còn chung sống với nhau cho đến nay (BL 21-22).

Thấy rằng, từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay ông Nguyễn Minh K vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị T; khi Tòa án thụ lý vụ án, mời các đương sự hòa giải, tạo điều kiện và thời gian để ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T tìm giải pháp hàn gắn, đoàn tụ với nhau; bà Lê Thị T cho rằng không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh K nhưng từ ngày Tòa án hòa giải đến khi mở phiên tòa hôm nay bà Lê Thị T không có bất kỳ biện pháp, hành động nào để hàn gắn, đoàn tụ với ông Nguyễn Minh K mặc dù ông Nguyễn Minh K đã nhiều lần đến thăm và rước bà Lê Thị T về để cùng chung sống nhưng bà Lê Thị T không đồng ý nên ông Nguyễn Minh K vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà Lê Thị T (sự việc này được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Minh K ngày 19/02/2024 và tại phiên tòa), mặt khác Tòa án cũng đã mời ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T hòa giải lần hai để tìm giải pháp đoàn tụ cho ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T nhưng bà Lê Thị T vắng mặt và 02 lần Tòa án triệu tập xét xử bà Lê Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ

chung sống với nhau,...”, ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T không thực hiện được điều này, không cùng nhau chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mà mỗi người sống một nơi khác nhau, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Nguyễn Minh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T thống nhất khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh K, cho ông Nguyễn Minh K được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T thống nhất khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T không tranh chấp,

không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017705 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; ông Nguyễn Minh K đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã C, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính